

Số: 748/BC-SNN

Trà Vinh, ngày 30 tháng 10 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 10 và kế hoạch tháng 11 năm 2018 (Tính đến ngày 15/10/2018)

Sản xuất nông nghiệp 10 tháng đầu năm có một số thuận lợi, khó khăn như: Các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi cơ bản được kiểm soát; giá lúa, heo hơi, cá tra, cá lóc duy trì ở mức cao; các chính sách đầu tư trong nông nghiệp tiếp tục triển khai thực hiện; công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật tiếp tục thực hiện góp phần nâng cao kiến thức của nông dân và việc áp dụng khoa học kỹ thuật trong canh tác, sản xuất ngày càng rộng rãi. Tuy nhiên, triều cường dâng cao làm vỡ 31 đoạn bờ bao cục bộ tổng chiều dài 125,5 m đã làm ngập 428 ha cây ăn trái và 10 ha màu; giá dừa khô, thanh long và một số loại rau màu xuống thấp gây ảnh hưởng đáng kể đến thu nhập của nông dân.

Về xây dựng nông thôn mới và các công tác phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn tiếp tục được Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, chỉ đạo, giúp đỡ; các ngành, các cấp trong tỉnh tích cực phối hợp, hỗ trợ; cùng với sự nỗ lực, phấn đấu của toàn ngành và hưởng ứng, tham gia nhiệt tình của người dân, cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh nên các nhiệm vụ đều cơ bản hoàn thành theo kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định ban hành quy định giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020 áp dụng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; chỉnh sửa qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và PTNT; phê duyệt Kế hoạch năm 2019 để thực hiện Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Quyết định ban hành về Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; gửi Sở Tư pháp thẩm định chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư vào ngành hàng tôm đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Chỉ đạo 02 đơn vị Ban Quản lý Cảng cá và Trung tâm Giống xây dựng phương án tự chủ tài chính đảm bảo chi phí thường xuyên bắt đầu từ năm 2019. Đang lấy ý kiến Sở Tài chính về dự toán lập 02 đề án: Đề án phát triển cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực và đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; xây dựng Đề án vị trí việc làm Văn phòng Sở sau khi sáp nhập phòng Kế hoạch, Tài chính và phòng Chính sách Thông tin vào Văn phòng Sở.

2. Kết quả sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản

a) Trồng trọt

Cây hàng năm: Diện tích gieo trồng trong tháng 35.096 ha, lũy kế đến nay đã gieo trồng 272.267 ha, vượt 217 ha kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.956 ha, cụ thể:

- Cây lúa: Xuống giống 31.930 ha, lũy kế đến nay xuống giống 222.293 ha, vượt 2,6% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 524 ha. Thu hoạch 11.016 ha, lũy kế đến nay đã thu hoạch 144.031 ha, đạt 66,5% diện tích xuống giống; năng suất trung bình 5,95 tấn/ha, cao hơn cùng kỳ 0,57 tấn/ha. Sản lượng 856.777 tấn, đạt 74,3% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 100.748 tấn. Diện tích nhiễm sâu bệnh trong tháng 1.536 ha, (giảm 1.133 ha so với cùng kỳ) chủ yếu trong vụ Hè Thu. Các đối tượng gây hại gồm: Đạo ôn lá, lem lép hạt, chuột gây hại mức độ nhẹ, không ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 3.166 ha, nâng đến nay gieo trồng 49.974 ha (cao hơn cùng kỳ 1.432 ha), đạt 90,2% kế hoạch, gồm: Màu lương thực 5.843 ha, màu thực phẩm 29.002 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 15.129 ha. Diện tích và mức độ nhiễm sâu, bệnh không đáng kể.

b) Chăn nuôi: Giá heo hơi đang trên đà tăng giá nhưng nguồn heo giống giá cao và khan hiếm làm cho người nuôi không mạnh dạng phát triển đầu tư; đàn bò phát triển ổn định, nông dân đầu tư nuôi bò vỗ béo kết hợp nguồn cỏ với thức ăn công nghiệp nên bò phát triển nhanh; đàn gia cầm phát triển mạnh, chủ yếu là gà nuôi thả vườn do có thị trường tiêu thụ tương đối ổn định và giá cao.

c) Lâm nghiệp: Trồng 78.000 cây giống lâm nghiệp phân tán, vượt 56% kế hoạch; trồng mới 40 ha rừng phòng hộ, chăm sóc 713 ha, khoán bảo vệ 5.160 ha; tổ chức 110 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, phát hiện và xử lý 03 trường hợp vi phạm; cấp 03 giấy phép xuất bán động vật hoang dã. Nâng tổng số đến nay tổ chức 843 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, phát hiện và xử lý 17 trường hợp vi phạm; cấp 29 giấy phép xuất bán động vật hoang dã. Tuyên truyền, vận động 75 hộ dân sống tiếp giáp với rừng ký cam kết sử dụng lửa an toàn.

d) Thủy sản: Sản lượng thu hoạch trong tháng 23.304 tấn. Nâng sản lượng thu hoạch 171.595 tấn, đạt 85,1% kế hoạch, tăng 12.802 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi thủy sản: Thả nuôi 972 ha, thu hoạch 15.729 tấn (5.673 tấn cá lóc, 1.658 tấn tôm sú, 5.095 tấn tôm thẻ chân trắng,...). Nâng đến nay diện tích thả nuôi 37.967 ha, thu hoạch 98.804 tấn, đạt 77,9% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 5.415 tấn, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 39 triệu con tôm sú giống, diện tích 178,8 ha; 240 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 254 ha; 03 triệu con cua biển, diện tích 93,8 ha; 09 ha nuôi tôm siêu thâm canh 02 giai đoạn; thu hoạch 8.504 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 1,62 tỷ con tôm sú giống, diện tích 24.804 ha; 4,6 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 7.513 ha; 215 triệu con cua biển, diện tích 1.214 ha; 189 ha nuôi tôm siêu thâm canh 02 giai đoạn; thu hoạch 53.831 tấn (cao hơn cùng kỳ 8.433 tấn). Tuy nhiên, trong tháng do mưa nhiều môi trường ao nuôi biến động ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi đã làm thiệt hại rải rác ở các xã

nuôi của huyện Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải ở giai đoạn 20-60 ngày tuổi và có dấu hiệu của bệnh đốm trắng, đỏ thân, hoại tử gan tụy,... Từ đầu vụ nuôi đến nay, đã làm thiệt hại 138 triệu con tôm sú giống (chiếm 9% lượng con giống thả nuôi), diện tích 651 ha (chiếm 2,6%); 759 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 16% lượng con giống thả nuôi), diện tích 1.268 ha (chiếm 16,8%).

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 29 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 445 ha (cá lóc 5,3 triệu con, diện tích 23,9 ha, cá tra 5,1 triệu con, diện tích 15,6 ha); thu hoạch 7.224 tấn. Nâng đến nay thả nuôi 266 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 3.573 ha (cá lóc 108 triệu con, diện tích 235,8 ha, cá tra 24,6 triệu con, diện tích 61,9 ha); thu hoạch 44.972 tấn, đạt 63,1% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 3.019 tấn.

- Khai thác thủy sản: Trên địa bàn tỉnh có 1.195 tàu cá được đăng ký, giảm 01 tàu, tổng công suất 139.536 CV, tăng 143 CV (314 tàu có công suất từ 90 CV trở lên, tăng 01 tàu). Sản lượng khai thác 7.575 tấn (964 tấn tôm). Nâng tổng sản lượng đến nay sản lượng khai thác 72.792 tấn (9.877 tấn tôm), đạt 97,4% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 7.388 tấn, trong đó:

+ Khai thác nội đồng: Sản lượng đạt 1.065 tấn (314 tấn tôm). Nâng đến nay đạt 9.909 tấn (2.859 tấn tôm), đạt 85,4% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 159 tấn.

+ Khai thác hải sản: Sản lượng đạt 6.510 tấn (650 tấn tôm). Nâng tổng số đến nay đạt 62.882 tấn (7.018 tấn tôm), đạt 99,7% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 7.227 tấn.

Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 692 tấn thủy sản (tôm sú 121 tấn, tôm thẻ 442 tấn), chế biến 469 tấn, tiêu thụ 306 tấn, kim ngạch xuất khẩu 2,4 triệu USD. Nâng tổng sản lượng các doanh nghiệp thu mua 10.962 tấn thủy sản (tôm sú 1.314 tấn, tôm thẻ 5.932 tấn), chế biến 6.510 tấn, tiêu thụ 5.072 tấn, kim ngạch xuất khẩu 39,4 triệu USD.

d) Phát triển nông thôn:

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Các địa phương tổ chức lồng ghép 437 cuộc tuyên truyền cho trên 13.110 lượt người. Nâng tổng số đến nay lồng ghép 2.382 cuộc tuyên truyền cho trên 68.608 lượt người; công nhận 153.509 hộ (đạt 68,74% số phát động) và 244 ấp (chiếm 35,7%) đạt chuẩn nông thôn mới. Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí có 30 xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, 02 xã đạt 15 - 18 tiêu chí; 30 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí, 23 xã đạt dưới 10 tiêu chí; số tiêu chí đạt bình quân/xã là 13,3 tiêu chí, so cùng kỳ tăng 0,8 tiêu chí/xã. Đến nay các địa phương triển khai thực hiện các công trình cơ bản và đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất nâng cao thu nhập người dân, giải ngân 40% nguồn vốn phân bổ (kế hoạch vốn 222,1 tỷ đồng).

Chương trình bố trí dân cư: Tổ chức khảo sát, đánh giá sự cần thiết đầu tư các hạng mục còn lại của dự án Di dân sạt lở ấp cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành. Giải ngân cho hộ và phối hợp UBND xã Hiệp Thạnh kiểm tra tiến độ xây dựng nhà ở của các hộ được bố trí vào vùng dự án.

Kinh tế hợp tác: Thành lập mới 04 HTX, lũy kế đến nay trên địa bàn tỉnh có 90 HTX nông nghiệp, với 5.113 thành viên, diện tích đất tham gia hợp tác là 2.482 ha. Tổ chức 33 lớp tập huấn củng cố, thành lập mới tổ hợp tác, hợp tác xã

và tuyên truyền nâng cao nhận thức về hợp tác xã kiểu mới cho 990 lượt người dự, đã giải ngân 145 triệu đồng, đạt 60% kế hoạch; hoàn thành xây dựng hướng dẫn các HTX đánh giá theo 8 tiêu chí của HTX kiểu mới theo Quyết định 3951/QĐ-BNN về hướng dẫn đánh giá tiêu chí của các HTX nông nghiệp kiểu mới; đã xây dựng các thủ tục mời thầu và báo cáo thẩm định của 11 gói thầu nằm trong dự án 2 tỷ tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh.

Ngành nghề nông thôn: Triển khai thực hiện Đề án Phát triển ngành nghề nông thôn kết quả đã xây dựng dự án hỗ trợ 04 máy cắt tre, trúc; 01 máy hút chân không; 02 máy đóng nút chày rượu; 01 nhà lưới; 02 nhà máy sấy cá khô, ước giải ngân 300 triệu đồng. Đang triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án mỗi xã, phường một sản phẩm tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2018-2020, trước mắt đã chọn được 03 xã Hưng Mỹ (Châu Thành), Đức Mỹ (Càng Long), Ngọc Biên (Trà Cú) để làm điểm.

Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Rà soát mạng lưới cấp nước sạch nông thôn, đề xuất mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch cho người dân; trình phê duyệt Kế hoạch cấp nước an toàn tại các trạm cấp nước xã Huyện Hội, Tân An huyện Càng; duy trì hoạt động cấp nước tại 162 trạm; tiếp tục mở rộng tuyến ống và lắp mới đồng hồ nước cho 496 hộ, nâng tổng số đến nay lắp mới đồng hồ nước cho 113.061 hộ.

4. Xây dựng cơ bản: Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện 29 dự án (04 dự án hoàn thành, 16 dự án chuyển tiếp và 09 dự án khởi công mới), gồm: 06 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 12 công trình đê, kè; 11 công trình dân dụng; giải ngân 106,6 tỷ đồng, đạt 17,9% kế hoạch vốn phân bổ.

5. Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai (PCTT)

Đến nay các địa phương tổ chức thực hiện 373 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 277.357 m, khối lượng 919.580 m³ đạt 92,7% kế hoạch.

Trình phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng hạng mục phát sinh Xử lý bong tróc lớp bảo hộ tường hắc sóng thuộc dự án Xử lý sụp lún, hư hỏng 60 vị trí mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải; phối hợp với Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh rà soát, báo cáo tình hình sạt lở tại ven sông, kênh, rạch và ven biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; trình thẩm định công trình Duy tu, bảo dưỡng đê điều năm 2019; gửi thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình sửa chữa các cầu trên tuyến đê biển; gửi Sở Tài chính phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công lắp đặt 16 biển cảnh báo sạt lở nguy hiểm trên địa bàn tỉnh; tổ chức 20 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 04 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 158 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 18 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định.

Tổ chức 05 lớp tập huấn về công tác PCTT cho các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới với 145 cán bộ cấp xã dự. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 17 lớp tập huấn về công tác PCTT cho các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 với 575 cán bộ cấp xã dự.

Trong tháng triều cường dâng cao: Gây sạt lở khoảng 50m kè tạm (kè rọ đá) tại xã Hiệp Hạnh, thị xã Duyên Hải; gây vỡ 31 đoạn bờ bao ven sông Hậu tổng chiều dài 125,5m, sạt lở 05 đoạn bờ bao cục bộ tổng chiều dài 91,5m và

chảy tràn 20 đoạn của 17 tuyến bờ bao cục bộ tại xã Ninh Thới và Hoà Tân huyện Cầu Kè với tổng chiều dài 13.189 mét, ngập 428 ha cây ăn trái và 10 ha màu. Địa phương đã huy động lực lượng hỗ trợ nhân dân gia cố các vị trí tràn ngập, vỡ đê, sạt lở đã khắc phục xong trong ngày, lượng nước vườn cây ăn trái được tiêu úng kịp thời nên không ảnh hưởng thiệt hại đến cây ăn trái, hoa màu.

Từ đầu năm đến nay đã thu quỹ PCTT được 5,802 tỷ đồng, trong đó, nộp bổ sung năm 2017 là 403,28 triệu đồng, nộp theo chỉ tiêu 2018 là 4,39 tỷ đồng, đạt 46,6% kế hoạch.

6. Công tác thanh tra, kiểm tra và quản lý tàu cá:

Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp đối với 149 cơ sở, thu 55 mẫu vật tư nông nghiệp, thực phẩm, thủy sản để kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa và chỉ tiêu an toàn thực phẩm; ra quyết định xử phạt 25 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đã thanh tra 821 lượt cơ sở, phương tiện, thu 246 mẫu vật tư nông nghiệp để kiểm tra chất lượng; ra quyết định xử phạt 109 trường hợp vi phạm theo đúng quy định pháp luật.

Kiểm tra an toàn kỹ thuật 53 tàu, cấp phép đóng mới, cải hoán 07 tàu, đăng ký 06 tàu, cấp 14 số danh bạ (70 thuyền viên), cấp 37 giấy phép khai thác thủy sản, xoá bộ 01 tàu. Nâng đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật 526 tàu, cấp phép đóng mới, cải hoán 94 tàu, đăng ký 141 tàu, cấp 164 số danh bạ (698 thuyền viên), cấp 443 giấy phép khai thác thủy sản, xoá bộ 30 tàu, cấp 04 giấy chứng nhận an toàn thực phẩm. Kết hợp Bộ đội Biên phòng tỉnh và địa phương đảm bảo an ninh trật tự khu vực Cảng cá Láng Chim và Cảng cá Định An; chuẩn bị tốt nhất các điều kiện, sẵn sàng hỗ trợ ngư dân đưa tàu về nơi neo đậu an toàn khi xảy ra mưa bão. Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 1.129 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.322 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 119,3 triệu đồng; cấp 14 giấy chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu, khối lượng 142 tấn. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 13.926 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 17.669 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 1,07 tỷ đồng; cấp 86 giấy chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu, khối lượng 1.505 tấn.

7. Công tác bảo vệ thực vật, thú y, quản lý chất lượng nông lâm thủy sản và ATVSTP

a) Công tác bảo vệ thực vật:

Tổ chức 29 lớp tập huấn trồng rau an toàn, phòng trừ dịch hại trên các loại cây trồng, nhân nuôi ong ký sinh và bọ đuôi kìm cho 748 nông dân tham dự ở các huyện Càng Long, Tiểu Cần, Châu Thành, Cầu Kè và Cầu Ngang; tổ chức 03 chuyến khám bệnh lưu động trên cây trồng có 92 nông dân mang bệnh phẩm đến tư vấn; nhân nuôi 91.000 ong ký sinh trong phòng thí nghiệm làm nguồn để tập huấn cho nông dân cách nhân nuôi tại vườn dừa để không chế bọ cánh cứng hại dừa. Lũy kế đến nay đã tổ chức 49 lớp tập huấn trồng rau an toàn, phòng trừ dịch hại trên các loại cây trồng, nhân nuôi ong ký sinh và bọ đuôi kìm cho 1.305 nông dân dự; tổ chức 17 chuyến khám bệnh lưu động trên cây trồng có 541 nông dân mang bệnh phẩm đến tư vấn; nhân nuôi 338.750 ong ký sinh và 8.059 bọ đuôi kìm phóng thích ra tự nhiên để quản lý bọ cánh cứng hại dừa.

Kết hợp với Công ty Bayer Việt Nam thực hiện 01 điểm trình diễn và sản xuất thử giống lúa lai 6129 với diện tích 02 ha/2 hộ ở xã Mỹ Hòa huyện Cầu

Ngang; thực hiện 02 mô hình quản lý sâu bệnh tổng hợp trên lúa với diện tích 0,3 ha tại xã Mỹ Hòa huyện Cầu Ngang và trên dưa leo với diện tích 0,3 ha tại xã Tân Sơn huyện Trà Cú.

b) Công tác thú y:

Tiêm phòng cúm 386.294 gia cầm, LMLM 3.648 gia súc, vaccine tai xanh heo 300 con, bệnh dại 1.001 chó, mèo, các bệnh thường xuyên 231.480 gia súc và các loại vaccine khác 877.084 liều. Nâng tổng số tiêm phòng cúm 2.858.077 gia cầm (đạt 105% so diện tiêm), LMLM 26.119 gia súc (đàn bò đạt 15% so diện tiêm), vaccine tai xanh heo 1.300 con; phòng dại 13.894 chó, mèo, phòng các bệnh thường xuyên 1.473.807 gia súc và các loại vaccine khác 4 triệu liều. Sử dụng 16.519 lít hóa chất phun xịt 27 triệu m² chuồng trại của 518.898 lượt hộ chăn nuôi.

Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh 46.767 con gia súc, 435.788 con gia cầm và 147 tấn sản phẩm động vật. Sử dụng 8.389 lít hóa chất thực hiện tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi đợt 2 cho 14 triệu m² chuồng trại của 263.474 lượt hộ chăn nuôi. Nâng đến nay kiểm dịch được 382.249 con gia súc, 2,7 triệu con gia cầm và 686 tấn sản phẩm động vật;

Kiểm dịch 3,8 triệu con tôm sú giống, 166 triệu con tôm thẻ chân trắng; thực hiện 04 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 04 mẫu giáp xác phân tích phục vụ nuôi thủy sản. Nâng đến nay đã kiểm dịch 113,1 triệu con tôm sú giống, 1.386 triệu con tôm thẻ chân trắng, thực hiện 81 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 108 mẫu giáp xác phân tích phục vụ nuôi thủy sản (55 mẫu nhiễm đốm trắng).

c) Công tác quản lý chất lượng nông lâm thủy sản và ATVSTP

Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp: Phối hợp tổ chức 49 lớp tập huấn kiến thức quản lý ATTP cho 2.203 lượt người, cấp phát 2.237 bộ tài liệu; sửa chữa, lắp đặt mới 20 pano tuyên truyền; thông tin trên Đài Truyền hình Trà Vinh 08 kết quả phân tích dư lượng chất độc hại trong nông sản để nhắc nhở cơ sở sản xuất và cảnh báo người tiêu dùng.

Kiểm tra, đánh giá 28 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản, kết quả 22 cơ sở loại A, 06 cơ sở loại B; cấp 16 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP và 40 giấy xác nhận kiến thức ATTP; tổ chức thu 54 mẫu nông sản thực phẩm phân tích, kiểm nghiệm giám sát dư lượng chất độc hại. Nâng tổng số đến nay đã kiểm tra, đánh giá 210 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản, kết quả 131 cơ sở loại A, 79 cơ sở loại B; cấp 69 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP và 209 giấy xác nhận kiến thức ATTP; tổ chức thu 658 mẫu (252 mẫu nông sản, 406 mẫu thủy sản) nông sản thực phẩm phân tích, kiểm nghiệm chất lượng phát hiện 18 mẫu vi phạm.

8. Công tác khuyến nông và công tác giống

a) Công tác khuyến nông

Theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật cho 28 hộ nhận nuôi 80 con bò sinh sản của Dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao tại Trà Vinh, đã đào tạo 06 kỹ thuật viên, tập huấn cho 100 lượt nông dân và cấp giống hạt cỏ cho các hộ tham gia mô hình. Đề tài cam không hạt đã

hoàn thành việc chọn hộ và đầu thầu cây giống, đang tổ chức đầu thầu xây dựng nhà lưới.

Tổ chức 44 lớp tập huấn cho 658 lượt nông dân về kỹ thuật trồng lúa, trồng rau an toàn, chăn nuôi gà đệm lót sinh học, kỹ thuật nuôi tôm sú, tôm thẻ, tôm thẻ siêu thâm canh; 03 cuộc hội thảo, tổng kết cho 96 lượt người dự; tư vấn trực tiếp 907 lượt hộ về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và nuôi thủy sản. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 355 lớp tập huấn cho 10.164 lượt nông dân trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; 26 cuộc hội thảo, tổng kết cho 1.291 lượt người dự; tư vấn trực tiếp cho 8.381 lượt hộ về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; tiếp tục theo dõi 13 mô hình thuộc nguồn vốn sự nghiệp, khuyến nông quốc gia và các dự án kết hợp.

b) Công tác giống

Giống cây trồng: Khảo nghiệm 03 bộ giống lúa bộ A₀, A₁, A₂, và bộ giống chịu mặn, diện tích 0,6 ha, đã thu hoạch và lấy chỉ tiêu; vụ Thu Đông khảo nghiệm bộ giống sản xuất thử của Viện lúa ĐBSCL, diện tích 0,4 ha, hiện trong giai đoạn đẻ nhánh; đang làm đất chuẩn bị thực hiện mô hình bơ sáp, gấc, xoài, chanh; tổ chức sản xuất 8,5 ha lúa giống cấp xác nhận 1; cung ứng 0,84 tấn lúa giống cấp xác nhận; 201 cây giống các loại. Lũy kế đến nay đã cung ứng trên 70,4 tấn lúa giống (12,3 tấn giống cấp nguyên chủng) và 8.089 cây giống các loại.

Giống thủy sản: Lập biên bản hủy đàn tôm càng xanh cái giả do tôm bị bệnh, không đủ tiêu chuẩn làm giống; vệ sinh trại chuẩn bị sản xuất giống tôm càng xanh toàn đực (đợt 7); sản xuất được 90 triệu con cá tra bột, 320 ngàn con cá lóc giống; cung ứng, điều tiết 2,7 triệu con tôm các loại, 1,6 triệu con cá lóc, 220 ngàn con cua biển, 0,8 tấn cá các loại. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay sản xuất được 342,5 triệu con cá tra bột, 2,57 triệu con cá lóc giống; cung ứng, điều tiết 8,428 triệu con tôm các loại, 14,9 triệu con cá lóc, 2,74 triệu con cua biển, 16,8 tấn cá các loại.

Giống vật nuôi: Đầu tư mô hình nuôi vịt biển quy mô 400, hiện còn 337 con (hao hụt 63 con), vịt được 3,5 tháng tuổi, trọng lượng trung bình 2kg và 09 con dê Boer sinh sản để cung cấp con giống cho địa phương, phát triển bình thường. Cung ứng 293 trứng và 1.374 con gà giống, nâng tổng số đến nay cung ứng 2.130 trứng và 5.421 con gà giống.

7. Tình hình thực hiện chính sách

Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ: Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành nhà nước hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình và danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp tỉnh.

Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg: Tham mưu UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch năm 2019 trình Bộ Tài chính phân bổ vốn.

Chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND: Đến nay chỉ có 01 dự án đã được đánh giá chứng nhận VietGAP huyện Cầu Ngang đang lập hồ sơ chi trả hỗ trợ.

Chính sách hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ: Các huyện, thị xã, thành phố đang triển khai đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng phục vụ sản xuất lúa với tổng kinh phí phân bổ năm 2018 là 84,235 tỷ đồng.

Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ: Đã hoàn chỉnh hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định chính sách.

Chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ - TTg: Hoàn thành việc đấu thầu, chuẩn bị tổ chức 09 lớp đào tạo nghề cho 272 lao động nông thôn, kinh phí 300 triệu đồng.

Chính sách hỗ trợ, phát triển HTX theo Quyết định số 2261/QĐ - TTg: Đã đưa 84 cán bộ chuyên môn về làm việc có thời hạn tại 42 HTX nông nghiệp.

Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ: Hiện tại Nghị định 67/2014/NĐ-CP được Chính phủ tiếp tục sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 17/2018/NĐ-CP, chuyển từ cơ chế hỗ trợ trước đầu tư sang hỗ trợ sau đầu tư đối với trường hợp đóng mới tàu cá xa bờ; tỉnh đang chờ Bộ Tài chính hướng dẫn để thực hiện.

Chính sách bảo hiểm nông nghiệp theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP và Chính sách nông nghiệp hữu cơ theo Nghị định số 109/2018/NĐ-CP hiện đang chờ các bộ ngành trung ương hướng dẫn để ngành tham mưu UBND tỉnh cụ thể hóa thực hiện.

Chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nguồn vốn phân bổ năm 2017, đến nay đã giải ngân được 7,5/19 tỷ đồng để đầu tư trồng màu, trồng cây ăn trái,... Năm 2018, UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch với tổng vốn đầu tư là 27,36 tỷ đồng, hiện nay các địa phương đang tiếp tục triển khai thực hiện vốn phân bổ của năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

II. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

1. Mặt được

Phối hợp với các địa phương chỉ đạo xuống giống lúa, thả giống thủy sản theo lịch thời vụ khuyến cáo; năng suất lúa Hè Thu đạt cao hơn cùng kỳ 0,3 tấn; diện tích trồng màu được mở rộng, nhất là các loại rau màu thực phẩm; diện tích nuôi thủy sản được mở rộng nhất là nuôi tôm nước lợ, sản lượng các loại thủy sản nuôi có giá trị kinh tế cao (tôm, cua) đạt cao hơn cùng kỳ (tôm tăng 8.328 tấn); khai thác hải sản được mùa.

Chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi nên các loại bệnh nguy hiểm tiếp tục được kiểm soát; chỉ xảy ra một số bệnh thông thường, mức độ nhỏ lẻ và thiệt hại không đáng kể. Giá heo hơi tăng, giá bò và gia cầm ở mức cao đây là điều kiện thuận lợi cho phát triển đàn vật nuôi.

Chủ động phối hợp tốt các địa phương hướng dẫn người nuôi thường xuyên theo dõi tình hình nuôi thủy sản, phòng chống bệnh trong mùa mưa và hướng dẫn kịp thời cho nông dân xử lý tình hình sâu bệnh trên cây trồng, không để phát sinh

ra diện rộng qua những chuyến khám bệnh lưu động trên cây trồng và các thông báo, hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

Công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật tiếp tục được tăng cường giúp cho người dân ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất.

Công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới ngày càng sâu rộng; các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng và đầu tư phát triển sản xuất trên địa bàn các xã tiếp tục thực hiện từng bước làm thay đổi được diện mạo và cải thiện điều kiện sống của dân cư nông thôn.

Công tác thanh, kiểm tra chuyên ngành được thực hiện thường xuyên góp phần hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm, việc buôn bán vật tư nông nghiệp giả, kém chất lượng

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Sản lượng thủy sản nuôi nước ngọt đạt thấp, đặc biệt là cá tra. Do giá cả và thị trường tiêu thụ không ổn định nên diện tích thả nuôi và sản lượng giảm đáng kể so cùng kỳ (giảm 3.019 tấn).

Công tác tuyên truyền, vận động hộ chăn nuôi thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và tiêm phòng vắc xin còn nhiều hạn chế; một số nơi chưa quan tâm nhiều cho công tác vận động tiêm phòng; tỷ lệ tiêm phòng một số loại vắc xin còn thấp.

Trong công tác xây dựng nông thôn mới chất lượng các tiêu chí chưa được nâng lên (rớt tiêu chí), tỷ lệ hộ, ấp nông thôn mới còn thấp, đời sống một bộ phận nhân dân còn khó khăn; đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất còn chậm.

Việc triển khai thực hiện các chính sách đầu tư vào nông nghiệp nông thôn hiệu quả chưa cao nên chưa tạo được động lực thúc đẩy nông nghiệp nông thôn phát triển.

Công tác phối hợp, trao đổi thông tin, thỉnh thị ý kiến, báo cáo của một số Sở, ngành tỉnh, đơn vị trực thuộc và địa phương đôi lúc còn chưa chặt chẽ, thiếu kịp thời gây khó khăn cho việc tham mưu xây dựng kế hoạch và tổng hợp báo cáo của ngành.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÁNG 11

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:

a) Trồng trọt: Tập trung chăm sóc tốt diện tích lúa Thu Đông, Mùa hạn chế tối đa sâu bệnh và mưa bão gây hại làm giảm năng suất; xây dựng kế hoạch và chỉ đạo xuống giống lúa Đông Xuân 2018 - 2019 theo lịch thời vụ, vận động nông dân sử dụng cơ cấu giống theo khuyến cáo; tăng cường công tác dự tính, dự báo sâu bệnh, hướng dẫn nông dân phòng trị kịp thời; tiếp tục vận động nông dân chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác có thị trường tiêu thụ và hiệu quả cao hơn theo Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh; tiếp tục theo dõi các mô hình phòng trừ dịch hại tổng hợp và mô hình trình diễn lúa lai của Công ty Baye, Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Miền Nam và Công ty Syngenta thực hiện chương trình “ Môi trường sạch, cuộc sống xanh” ở các huyện Châu Thành, Tiểu Cần, Trà Cú, Càng Long, Cầu Kè. Tổ chức khám bệnh lưu động trên cây trồng 03 cuộc ở các huyện Cầu Ngang, Cầu Kè và Trà Cú.

b) Chăn nuôi: Tổ chức thực hiện Kế hoạch tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm và Kế hoạch phòng, chống bệnh Đại những tháng cuối năm 2018 trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục kiểm tra công tác vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường chăn nuôi đợt 2 năm 2018 tại các huyện, thị xã, thành phố. Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ năm 2018, đồng thời chuẩn bị triển khai thực hiện kế hoạch năm 2019 theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Thủy sản: Tuyên truyền phổ biến pháp luật trong lĩnh vực thủy sản ở các xã trên địa bàn huyện Châu Thành và Cầu Ngang; tổng hợp, thống nhất số liệu chuẩn bị tổng kết nuôi trồng thủy sản mùa vụ nuôi năm 2017 – 2018; quản lý chặt chẽ các khu nuôi tôm công nghiệp và siêu thâm canh tự phát ngoài vùng quy hoạch, tránh lây lan dịch bệnh và ô nhiễm môi trường làm ảnh hưởng đến toàn vùng. Thường xuyên quan trắc môi trường, thu mẫu giáp xác tại các điểm sông đầu nguồn, thông báo trên Đài Phát thanh - Truyền hình để người dân có kế hoạch quản lý ao nuôi; quản lý kiểm dịch giống nhập tỉnh và sản xuất tại địa phương.

d) Lâm nghiệp: Triển khai trồng 48,5 ha rừng tập trung; tổ chức nghiệm thu công trình trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng năm 2018; tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch tuyên truyền công tác bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và tình hình mua bán, vận chuyển động vật hoang dã. Xây dựng kế hoạch phòng, chống cháy rừng mùa khô năm 2019.

d) Phát triển nông thôn:

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Trình UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu; hoàn thành hồ sơ đề nghị Trung ương xét, công nhận huyện Tiểu Cần đạt chuẩn và thị xã Duyên Hải hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; kiểm tra thường xuyên tiến độ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng trên địa bàn tỉnh, nhất là 11 xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018; triển khai Lắp đặt panô tuyên truyền nông thôn mới; phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 02 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Chương trình bố trí dân cư: Trình UBND tỉnh bổ sung vốn để khai thực hiện các hạng mục còn lại của dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành. Phối hợp với UBND xã Đại Phước, huyện Càng Long rà soát, đánh giá thực tế số hộ sạt lở, nhu cầu đầu tư dự án và xã Trường Long Hòa, huyện Duyên Hải vận động 08 hộ dân di dời bổ sung vào xây dựng nhà ở.

Kinh tế hợp tác: Tiếp tục tổ chức 28 lớp tập huấn củng cố và thành lập mới tổ hợp tác, HTX và nâng cao nhận thức về HTX kiểu mới ở các huyện Cầu Kè, Cầu Ngang và Châu Thành; triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ HTX như: Đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ quản lý hợp tác xã nông nghiệp; phát triển, mở rộng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản; truyền thông quảng bá chương trình HTX. Xây dựng dự án thực hiện 04 mô hình liên kết đối với HTX tham gia thí điểm HTX kiểu mới; chỉnh sửa các thủ tục mời thầu để triển khai nguồn vốn 02 tỷ theo góp ý của tổ thẩm định; tổ chức Diễn đàn nông nghiệp 4.0 trong khuôn khổ Lễ hội Ok - Om - Bok năm 2018.

Ngành nghề nông thôn: Tiếp tục triển khai các dự án Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh; Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn các xã ngoài chương trình 30a và chương trình 135 và Đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tiếp tục thực hiện các dự án cung cấp nước sạch và vệ sinh và môi trường nông thôn; triển khai thực hiện Dự án Xử lý, cải thiện vệ sinh và môi trường nông thôn năm 2018 và Mua ống, lắp đặt đường ống dẫn nước sinh hoạt của nhân dân (hộ nghèo) ở các xã Phước Hải, Đa Lộc, Hòa Minh, huyện Châu Thành và xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long; triển khai đấu thầu Mua 60 tấn PAC dùng cho xử lý nước tại các trạm cấp nước sử dụng nước mặt huyện Càng Long và Châu Thành; dự toán mua 24,75 tấn clo bột dùng cho xử lý nước tại các trạm cấp nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh do đơn vị quản lý vận hành khai thác; dự toán mua 4.000 đồng hồ nước D15mm lắp đặt cho các hộ dân tại các trạm cấp nước; duy trì hoạt động cấp nước tại 162 trạm hiện có, tăng thêm 500 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh.

2. Công tác chuyên môn

Công tác khoa học kỹ thuật: Tổ chức 30 lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; tiếp tục phân công cán bộ tư vấn trực tiếp kỹ thuật nuôi tôm nước lợ tại các huyện ven biển; theo dõi và tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả các mô hình để tổ chức nhân rộng.

Chủ động phòng chống lụt bão, thiên tai, nhất là công tác tập huấn, tuyên truyền. Đôn đốc các Sở, Ban ngành tỉnh và địa phương thực hiện Kế hoạch PCTT; phương án ứng phó sự cố thiên tai năm 2018 trên địa bàn tỉnh. Theo dõi nắm sát diễn biến thời tiết, khí tượng thủy văn, đặc biệt là tình hình mưa, bão, lốc xoáy; thường xuyên kiểm tra đê điều, mực nước trong nội đồng, vận hành công ngăn triều cường, tiêu úng đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất; tập trung khảo sát toàn bộ các tuyến đê sạt lở để khắc phục ứng phó triều cường vào thời điểm cuối năm. Tiếp tục đôn đốc các đơn vị, địa phương hoàn hành công tác đăng nộp Quỹ PCTT năm 2018.

Tổ chức nghiệm thu đưa vào sử dụng công trình Xử lý bong tróc lớp bảo hộ tường hắc sóng thuộc dự án Xử lý sụp lún, hư hỏng 60 vị trí mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải; trình phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Duy tu, bảo dưỡng đê điều năm 2019; sửa chữa các cầu trên tuyến đê biển; kiểm tra tiến độ thực hiện các công trình xây dựng cơ bản, các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí, hoàn tất thủ tục, triển khai thực hiện đầu tư 1,2 km kè bờ biển xã Hiệp Thạnh. Tập trung đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình XD CB, giải ngân hết nguồn vốn được phân bổ.

Tiếp tục tuyên truyền phổ biến các quy định về ATTP nông sản, thủy sản cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông sản, thủy sản; hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP; thu mẫu kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch ngẫu nhiên, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông, thủy sản. Đồng thời, tổ chức xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nông, thủy sản đã đăng ký.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn như: Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ

theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg; hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND; hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP; hỗ trợ, phát triển HTX giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg; hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND;... đồng thời tham mưu cụ thể hóa các Nghị định mới được Chính phủ ban hành như Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, Nghị định số 58/2018/NĐ-CP, Nghị định số 83/2018/NĐ-CP, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục sản xuất, điều tiết cung ứng giống cây trồng, thủy sản; theo dõi các mô hình thực nghiệm, sản xuất giống đang thực hiện; tổ chức chuyển giao kỹ thuật chọn và ương dưỡng giống một số đối tượng nước lợ và ngọt.

Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng đúng qui định; tăng cường hoạt động chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

Tổ chức 03 lớp tuyên truyền kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản lâm thủy sản tại huyện Trà Cú và Cầu Ngang; tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trong thời điểm cuối năm; việc sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, thức ăn, thuốc thú y và các chế phẩm sinh học dùng trong nuôi thủy sản; giống cây trồng và giống thủy sản.

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện. / *ng h 21*

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KHTC. *hlu*

**K. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Minh Truyền

BÁO CÁO 10 THÁNG VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIÊM NGHIỆP, THỦY SẢN

(Ước đến ngày 15/10/2018)



STT	Chi tiêu	DVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	KH vụ/năm 2018	TH tháng 10	Ước TH 10 tháng năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2	3	5	4=3/1	5=3/2
I.	CÂY HÀNG NĂM							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	270.310	272.050	35.079	272.267	100,7%	100,1%
	Cây lương thực có hạt	Ha	225.567	221.650	32.205	225.768	100,1%	101,9%
1	Cây lúa	Ha						
	- Diện tích gieo sạ	Ha	221.768	216.650	31.930	222.293	100,2%	102,6%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	140.536	216.650	11.016	144.031	102,5%	66,5%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	53,80	53,22	50,24	59,49	110,6%	111,8%
	- Sản lượng	Tấn	756.029	1.153.000	55.341	856.777	113,3%	74,3%
	Trong đó:							
	Vụ mùa							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	2.367	1.650		1.697	71,7%	102,8%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2.367	1.650		1.697	71,7%	102,8%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	45,23	42,42		43,33	95,8%	102,1%
	- Sản lượng	tấn	10.705	7.000		7.353	68,7%	105,0%
	Vụ Đông - Xuân							
	- DT gieo sạ	ha	59.915	60.000		66.418	110,9%	110,7%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	59.915	60.000		66.418	110,9%	110,7%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	58,97	60,50		67,10	113,8%	110,9%
	- Sản lượng	tấn	353.296	363.000		445.658	126,1%	122,8%
	Vụ Hè Thu							
	- DT gieo sạ	Ha	77.037	77.000		75.856	98,5%	98,5%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	77.037	77.000	10.956	75.856	98,5%	98,5%
	- Năng suất	Tạ/ha	50,11	51,04	50,23	53,19	106,2%	104,2%
	- Sản lượng	tấn	386.009	393.000	55.029	403.455	104,5%	102,7%
	Vụ Thu Đông							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	82.449	78.000	31.930	78.322	95,0%	100,4%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1.216	78.000	60	60		0,1%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	49,50	50,00	52,00	52,00		104,0%
	- Sản lượng	tấn	6.020	390.000	312	312		0,1%
2	Cây màu							
	DT gieo trồng	Ha	48.542	55.400	3.149	49.974	102,9%	90,2%
	DT thu hoạch	Ha	38.559	51.800	9.045	43.194	112,0%	83,4%
	Sản lượng	Tấn	1.125.391	1.417.500	172.893	1.221.001	108,5%	86,1%
2.1	Màu lương thực							
	DT gieo trồng	Ha	6.130	7.750	437	5.843	95,3%	75,4%
	DT thu hoạch	Ha	5.548	7.750	1.391	5.259	94,8%	67,9%
	Sản lượng	Tấn	47.519	61.900	10.814	45.796	96,4%	74,0%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3.798	5.000	275	3.475	91,5%	69,5%
	- Diện tích thu hoạch	"	3.504	5.000	832	3.230	92,2%	64,6%
	- Năng suất	Tạ/ha	55,30	54,0	50,0	54,8	99,1%	101,5%
	- Sản lượng	Tấn	19.377	27.000	4.160	17.700	91,3%	65,6%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.110	1.200	59	1.165	104,9%	97,1%
	+ Diện tích thu hoạch	"	990	1.200	177	1.000	101,0%	83,3%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	KH vụ/năm 2018	TH tháng 10	Ước TH 10 tháng năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Năng suất	Tạ/ha	174,40	158,3	160,7	172,0	98,6%	108,6%
	+ Sản lượng	Tấn	17.266	19.000	2.844	17.200	99,6%	90,5%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	797	950	72	737	92,5%	77,6%
	+ Diện tích thu hoạch	"	682	950	263	645	94,6%	67,9%
	+ Năng suất	Tạ/ha	151,30	157,9	138,1	160,0	105,8%	101,3%
	+ Sản lượng	Tấn	10.319	15.000	3.632	10.320	100,0%	68,8%
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	424	600	31	466	109,9%	77,7%
	+ Diện tích thu hoạch	"	372	600	119	384	103,2%	64,0%
2.2	Cây thực phẩm							
	<i>DT gieo trồng</i>	Ha	26.046	30.750	2.082	29.002	111,4%	94,3%
	<i>DT thu hoạch</i>	Ha	22.314	30.750	7.301	26.648	119,4%	86,7%
	<i>Sản lượng</i>	Tấn	506.412	685.300	159.370	555.321	109,7%	81,0%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	25.466	30.000	2.055	28.489	111,9%	95,0%
	+ Diện tích thu hoạch	"	21.786	30.000	7.291	26.150	120,0%	87,2%
	+ Năng suất	Tạ/ha	232,00	228,0	218,6	212,0	91,4%	93,0%
	+ Sản lượng	Tấn	505.435	684.000	159.355	554.380	109,7%	81,0%
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	579	750	27	513	88,5%	68,4%
	+ Diện tích thu hoạch	"	528	750	10	498	94,3%	66,4%
	+ Năng suất	Tạ/ha	18,50	17,3	14,5	18,9	102,2%	109,0%
	+ Sản lượng	Tấn	977	1.300	15	941	96,4%	72,4%
2.3	Cây công nghiệp hàng năm							
	<i>DT gieo trồng</i>	Ha	11.989	13.300	295	11.380	94,9%	85,6%
	<i>DT thu hoạch</i>	Ha	10.697	13.300	353	11.287	105,5%	84,9%
	<i>Sản lượng</i>	Tấn	571.460	670.300	2.709	619.884	108,5%	92,5%
	Đậu phộng							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.219	5.200	91	4.324	102,5%	83,2%
	+ Diện tích thu hoạch	"	4.098	5.200	32	4.190	102,2%	80,6%
	+ Năng suất	Tạ/ha	53,50	51,54	56,64	52,50	98,1%	101,9%
	+ Sản lượng	Tấn	21.924	26.800	181	21.998	100,3%	82,1%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	5.513	5.600	-	4.814	87,3%	86,0%
	+ Diện tích thu hoạch	"	4.951	5.600	-	5.457	110,2%	97,4%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.074	1.100	-	1.053,0	98,0%	95,7%
	+ Sản lượng	Tấn	531.737	616.000	-	579.633	109,0%	94,1%
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.257	2.500	205	2.242	99,3%	89,7%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.648	2.500	321	1.640	99,5%	65,6%
	+ Năng suất	Tạ/ha	108	110,0	78,7	111,3	103,1%	101,2%
	+ Sản lượng	Tấn	17.798	27.500	2.527	18.253	102,6%	66,4%
2.4	Cây trồng khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.377	3.600	335	3.749	85,6%	104,1%
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.511	3.600	600	2.897	82,5%	80,5%
II	LÂM NGHIỆP							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	20	300	-	39,9	199,5%	13,3%
	- Chăm sóc rừng	Ha	627	680	-	713	113,8%	104,9%
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	5.164	5.519	-	5.160	99,9%	93,5%
	- Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây	1,68	50	-	78	4642,9%	156,0%
III	THỦY SẢN							

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	KH vụ/năm 2018	TH tháng 10	Ước TH 10 tháng năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
1	Tổng diện tích nuôi		36.017	52.000	972	37.967	105,4%	73,0%
1.1	Nuôi nước ngọt		3.055	3.500	445	3.574	117,0%	102,1%
	- Diện tích nuôi cá		2.029	2.000	397	1.905	93,9%	95,3%
	Trong đó: + Cá tra	"	34	50	16	62	182,9%	123,8%
	+ Cá lóc	"	259	270	24	236	90,9%	87,4%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	1.025	1.500	48	1.668	162,7%	111,2%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	1.025	1.500	48	1.668	162,7%	111,2%
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	32.962,0	48.500	527	34.394	104,3%	70,9%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	32.294	47.500	527	33.532	103,8%	70,6%
	Trong đó: + Tôm sú	"	24.088	22.000	179	24.804	103,0%	112,7%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	6.174	7.500	254	7.513	121,7%	100,2%
	+ Cua biển	"	2.032	18.000	94	1.214	59,7%	6,7%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết)	"	668	1.000	-	862	129,0%	86,2%
2	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	158.793	201.600	23.304	171.595	108,1%	85,1%
2.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	93.389	126.900	15.729	98.804	105,8%	77,9%
2.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	47.991	71.300	7.224	44.972	93,7%	63,1%
	- Sản lượng cá	"	47.309	70.000	6.938	43.598	92,2%	62,3%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	14.063	23.500	96	6.756	48,0%	28,8%
	Cá lóc	"	21.268	30.000	5.673	24.188	113,7%	80,6%
	- Sản lượng tôm càng xanh	"	682	1.300	286	1.374	201,5%	105,7%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	-					
2.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	45.398	55.600	8.504	53.831	118,6%	96,8%
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	43.045	52.500	7.573	51.866	120,5%	98,8%
	Trong đó: + Tôm sú	"	10.539	11.800	1.658	10.797	102,4%	91,5%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	26.986	33.500	5.095	35.056	129,9%	104,6%
	+ Nuôi cua biển	"	5.520	7.200	820	6.013	108,9%	83,5%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	2.353	3.100	931	1.965	83,5%	63,4%
2.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	65.404	74.700	7.575	72.792	111,3%	97,4%
4.2.1	Khai thác biển	Tấn	55.655	63.100	6.510	62.882	113,0%	99,7%
	Trong đó: - Cá các loại	Tấn	22.751,0	26.000	3.419	27.647	121,5%	106,3%
	- Tôm các loại	Tấn	6.666,4	8.100	650	7.018	105,3%	86,6%
	- Thủy sản khác	"	26.237,3	29.000	2.441	28.217	107,5%	97,3%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	9.750	11.600	1.065	9.909	101,6%	85,4%
	Trong đó: - Cá các loại	"	4762,6	5.500	455	4.755	99,8%	86,5%
	- Tôm các loại	"	2841,66	3.500	314	2.859	100,6%	81,7%
	- Thủy sản khác	"	2.145	2.600	297	2.296	107,0%	88,3%
	* Tình hình thiệt hại tôm sú							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	21.343		456	22.091	103,5%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	2.025		130	1.650	81,5%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	24.088		179	24.804	103,0%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	887		74	651	73,4%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1.733		39	1.620	93,5%	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	179		13	138	77,1%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	10		33	9	82,5%	
	* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	14.343		2.037	18.322	127,7%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	3.307		294	3.616	109,3%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	6.174		824	7.513	121,7%	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	KH vụ/năm 2018	TH tháng 10	Ước TH 10 tháng năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	1.225		113	1.268	103,5%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	3.448		806	4.652	134,9%	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	696		70	759	109,0%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	20		9	16	80,8%	